

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

MỤC LỤC

Trang

1.	Mục lục	01
2.	Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	02 – 05
3.	Báo cáo kiểm toán độc lập	06 – 07
4.	Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	08 – 11
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12
6.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	13 – 14
7.	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	15 – 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Otran Logistics (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Otran Logistics (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) đã được kiểm toán.

1. Thông tin chung về Tập đoàn

Công ty Cổ phần Otran Logistics hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502233726 ngày 09 tháng 09 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp qua các lần thay đổi như sau:

- Lần thứ nhất ngày 19 tháng 06 năm 2014 về việc chuyển đổi tên Công ty từ Công ty TNHH Vina Commodities Phú Mỹ sang Công ty TNHH Otran Logistics
- Lần thứ hai ngày 07 tháng 11 năm 2014 về việc chuyển đổi hình thức hoạt động từ Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Otran Logistics và tăng vốn điều lệ từ 200.000.000.000 đồng lên 250.000.000.000 đồng.
- Lần thứ ba (lần gần nhất) ngày 11 tháng 08 năm 2015 về việc tăng vốn điều lệ từ 250.000.000.000 đồng lên 500.000.000.000 đồng.

Vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 (năm trăm tỷ) đồng.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại; Cho thuê nhà ở; Cho thuê kho bãi, đỗ xe; Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê nhà có trang bị đặc biệt (phòng hòa nhạc, nhà hát, hội trường, phòng cưới, ...); Kinh doanh dịch vụ chợ và quản lý trung tâm thương mại;
- Xay sát và sản xuất bột thô (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường);
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (trừ chế biến bột cá) (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường);
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, công nghiệp; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện; Mua bán vật tư, máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dầu khí, ngành hàng hải;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Dịch vụ kiểm đếm, cân, đo, lấy mẫu hàng hóa; Đại lý khai thuế hải quan. Đại lý vận tải hàng hóa đường biển. Dịch vụ bao gói hàng hóa; Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ cung ứng tải biển;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Chế biến và bảo quản rau quả (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các công ty con:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai	Cụm Công nghiệp Dốc 47, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	97,00%	97,00%
Công ty Cổ phần Otran Logistics Miền Bắc	Khu Công nghiệp Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	90,00%	90,00%

2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Trần Đức Tuấn	Chủ tịch	(i)
- Ông Trần Văn Toàn	Phó Chủ tịch	(i)
- Ông Trần Thanh Vinh	Thành viên	(i)
- Ông Nguyễn Khánh	Thành viên	(i)
- Bà Trần Thị Thu Thủy	Thành viên	(i)

(i) Theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ số 05/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/11/2015 của Đại hội Cổ đông.

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Bà Đoàn Xuân Khánh Quyên	Trưởng ban – Thành viên	(ii)
- Ông Võ Xuân Cứ	Thành viên	(ii)
- Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Thành viên	(ii)

(ii) Theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ số 06/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/11/2015 của Đại hội Cổ đông.

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Trần Đức Tuấn	Tổng giám đốc	(i)
- Ông Phạm Văn Trường	Phó Tổng giám đốc	(i)
- Ông Nguyễn Khánh	Phó Tổng giám đốc	(i)
- Ông Đặng Văn Nghĩa	Phó Tổng giám đốc	(i)

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 40).

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

7. Xác nhận của Ban Tổng giám đốc

Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tập đoàn. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tập đoàn đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

8. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 22 tháng 02 năm 2016



Số: 29/2016/BCKT/PKF-VPHN

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Về Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
của Công ty Cổ phần Otran Logistics**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Otran Logistics được lập ngày 22 tháng 02 năm 2016, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày từ trang 08 đến trang 40 kèm theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Otran Logistics, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Dương Thị Thảo
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0162-2015-242-1

Trương Quang Trung
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1752-2015-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		520.172.699.092	84.006.935.273
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	38.482.742.856	898.568.887
1. Tiền	111		32.862.742.856	898.568.887
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.620.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		21.637.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	21.637.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		388.503.393.126	75.391.229.641
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	159.151.123.907	38.496.687.689
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	110.481.110.811	1.814.203.779
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	1.250.000.000	32.100.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	117.621.158.408	2.980.338.173
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	69.176.295.721	7.480.730.675
1. Hàng tồn kho	141		69.176.295.721	7.480.730.675
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.373.267.389	236.406.070
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	408.993.517	176.321.285
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		679.629.854	60.084.785
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	1.284.644.018	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		335.053.876.540	163.525.329.046
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		191.792.055	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	191.792.055	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		205.624.421.513	163.525.329.046
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	203.870.439.094	163.498.590.362
<i>Nguyên giá</i>	222		230.607.334.452	173.586.179.395
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(26.736.895.358)	(10.087.589.033)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	1.753.982.419	26.738.684
<i>Nguyên giá</i>	228		2.048.268.888	48.268.888
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(294.286.469)	(21.530.204)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		19.000.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư khác vào công ty khác	253	V.12	19.000.000.000	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		787.613.446	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	787.613.446	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VII. Lợi thế thương mại	269		109.450.049.526	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		855.226.575.632	247.532.264.319

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		289.986.504.894	32.326.195.206
I. Nợ ngắn hạn	310		243.281.279.423	32.326.195.206
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	87.129.620.713	25.863.868.613
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	108.309.142.589	235.706.789
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	15.901.687.501	5.785.854.759
4. Phải trả người lao động	314		1.061.450.238	201.960.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	232.000.000	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	680.040.171	238.805.045
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	29.967.338.211	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		46.705.225.471	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	45.817.520.000	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.19	887.705.471	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

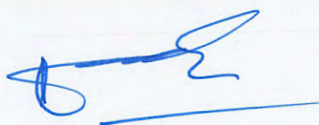
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

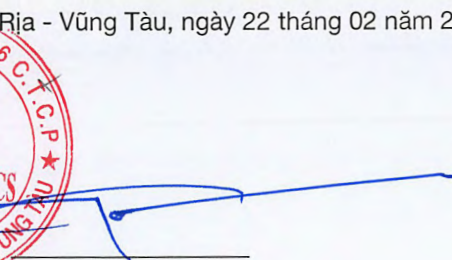
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		561.861.384.040	215.206.069.113
I. Vốn chủ sở hữu	410		561.861.384.040	215.206.069.113
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.20	500.000.000.000	200.000.000.000
1a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.000.000.000	200.000.000.000
1b. Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	61.861.384.040	15.206.069.113
11a. LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		15.206.069.113	705.920.706
11b. LNST chưa phân phối kỳ này	421b		46.655.314.927	14.500.148.407
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỘNG ĐỒNG THIỂU SỐ	439		3.378.686.697	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		855.226.575.632	247.532.264.319

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 22 tháng 02 năm 2016


Mai Đình Hanh
Người lập biểu

Mai Đình Hanh
Kế toán trưởng

Trần Đức Tuấn
Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

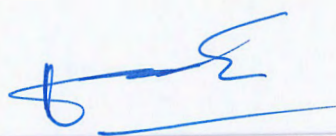
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

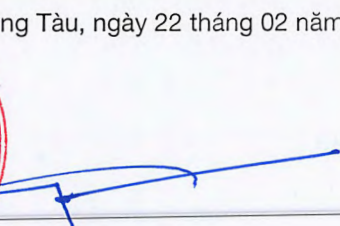
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	702.454.896.312
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		702.454.896.312
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	597.682.691.488
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		104.772.204.824
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.375.767.970
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.683.492.437
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.523.584.865
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	14.850.227.014
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	21.482.487.778
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		63.131.765.565
11. Thu nhập khác	31	VI.7	4.958.634.031
12. Chi phí khác	32	VI.8	4.497.275.823
13. Lợi nhuận khác	40		461.358.208
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		63.593.123.773
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	15.089.197.881
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	887.705.471
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		47.616.220.421
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		46.655.314.927
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	62		960.905.493
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	1.189

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 22 tháng 02 năm 2016


Mai Đình Hanh
Người lập biểu



Mai Đình Hanh
Kế toán trưởngTrần Đức Tuân
Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01		63.593.123.773
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11	10.784.462.221
- Các khoản dự phòng	03		-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		260.625.458
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.330.390.777)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	4.523.584.865
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		75.831.405.540
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(313.759.733.893)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		85.134.344.005
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(96.832.321.927)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(976.025.643)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.291.584.865)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(254.893.916.783)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.11	(33.023.162.948)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(33.193.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		42.135.250.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.12	(19.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.801.253.686
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(41.279.659.262)

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.20	300.000.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.18a, V.18b	167.105.792.105
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18a, V.18b	(133.320.933.894)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		333.784.858.211
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		37.611.282.166
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	898.568.887
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		(27.108.197)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	38.482.742.856

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 22 tháng 02 năm 2016

Mai Đình Hanh
Người lập biểu
Mai Đình Hanh
Kế toán trưởng
Trần Đức Tuân
Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ:

Công ty Cổ phần Otran Logistics hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502233726 ngày 09 tháng 09 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp qua các lần thay đổi như sau:

- Lần thứ nhất ngày 19 tháng 06 năm 2014 về việc chuyển đổi tên Công ty từ Công ty TNHH Vina Commodities Phú Mỹ sang Công ty TNHH Otran Logistics
- Lần thứ hai ngày 07 tháng 11 năm 2014 về việc chuyển đổi hình thức hoạt động từ Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Otran Logistics và tăng vốn điều lệ từ 200.000.000.000 đồng lên 250.000.000.000 đồng.
- Lần thứ ba (lần gần nhất) ngày 11 tháng 08 năm 2015 về việc tăng vốn điều lệ từ 250.000.000.000 đồng lên 500.000.000.000 đồng.

Vốn điều lệ của Công ty (theo Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần gần nhất) là 500.000.000.000 (năm trăm tỷ) đồng.

Trụ sở hoạt động chính: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại; Cho thuê nhà ở; Cho thuê kho bãi, đỗ xe; Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki ô-tô, trung tâm thương mại); Cho thuê nhà có trang bị đặc biệt (phòng hòa nhạc, nhà hát, hội trường, phòng cưới, ...); Kinh doanh dịch vụ chợ và quản lý trung tâm thương mại;
- Xay sát và sản xuất bột thô (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường);
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (trừ chế biến bột cá) (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường);
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại;

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, công nghiệp; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện; Mua bán vật tư, máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dầu khí, ngành hàng hải;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Dịch vụ kiểm đếm, cân, đo, lấy mẫu hàng hóa; Đại lý khai thuế hải quan. Đại lý vận tải hàng hóa đường biển. Dịch vụ bao gói hàng hóa; Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ cung ứng tải biển;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Chế biến và bảo quản rau quả (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

5. Tổng số các công ty con: 2 (hai) công ty

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 2 (hai) công ty

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 (không)

6. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai	Cụm Công nghiệp Dốc 47, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	97,00%	97,00%
Công ty Cổ phần Otran Logistics Miền Bắc	Khu Công nghiệp Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	90,00%	90,00%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất:

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 200", "Thông tư 202"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 và Thông tư 202 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ tài chính. Do ảnh hưởng thay đổi của việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư 200 và Thông tư 202 so với quy định trước đây nên các thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm nay cũng đã được trình bày lại cho phù hợp với số liệu tương ứng của Thông tư 200 và Thông tư 202.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Otran Logistics (công ty mẹ) và các Công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán được áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các Công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của Công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 24

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo thời gian hữu dụng của chi phí. Thời gian phân bổ được xác định theo tính chất chi phí.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 25 tháng 08 năm 2015 và được phân bổ trong 10 năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi bán hàng hóa, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản tài chính được phân loại và ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính không phải sinh có giá trị thanh toán cụ thể hoặc có thể xác định được và có ngày đáo hạn cụ thể mà công ty có ý định chắc chắn và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính không phải sinh được xác định là có sẵn để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh, các khoản đầu tư đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua, chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.3.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.154.000.454	723.454.078
Tiền gửi ngân hàng	31.708.742.402	175.114.809
Tương đương tiền ^(*)	5.620.000.000	-
Cộng	<u>38.482.742.856</u>	<u>898.568.887</u>

^(*) Là tiền gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn ngày 08/06/2015, kỳ hạn 01 tháng, lãi suất cố định 4.2%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	21.637.000.000	21.637.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh 4 (*)	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh 4 (*)	15.637.000.000	15.637.000.000	-	-
Cộng	21.637.000.000	21.637.000.000	-	-

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh 4- TPHCM theo các hợp đồng tiền gửi sau:

Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Lãi suất (năm)	Số tiền
15.908.001/HĐCC-OTRANLOGISTICS	06/02/2015	6%/năm	1.000.000.000
15.908.002/HĐCC-OTRANLOGISTICS	09/02/2015	6%/năm	1.000.000.000
15.908.003/HĐCC-OTRANLOGISTICS	12/02/2015	6%/năm	1.000.000.000
15.908.004/HĐCC-OTRANLOGISTICS	05/03/2015	6%/năm	1.000.000.000
15.908.005/HĐCC-OTRANLOGISTICS	11/03/2015	6%/năm	1.000.000.000
15.908.006/HĐCC-OTRANLOGISTICS	02/04/2015	6%/năm	1.000.000.000
Cộng			6.000.000.000

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến 01 năm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh 4 theo các hợp đồng tiền gửi sau:

Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Lãi suất (năm)	Số tiền
20151007/HDTG/OTDN-No 4	07/10/2015	4,80%	1.600.000.000
20151217/HDTG/OTDN-No 4	17/12/2015	4,50%	2.120.000.000
20151221/HDTG/OTDN-No 4	21/12/2015	4,50%	3.972.000.000
20151222/HDTG/OTDN-No 4	22/12/2015	4,50%	7.945.000.000
Cộng			15.637.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Phải thu khách hàng*****Phải thu khách hàng ngắn hạn***

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty TNHH AP Commodities	95.412.719.242	-	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư VNC	17.148.785.062	-	-	-
- Công ty Cổ phần Năng lượng Otran	21.742.595.793	-	-	-
- Đặng Thế Nam	6.250.252.050	-	-	-
- Nguyễn Kim Long	4.390.101.306	-	-	-
- Công ty TNHH Minh Đan	3.217.234.257	-	-	-
- Công ty cổ phần Otran Việt Nam	2.934.038.636	-	-	-
- Công ty TNHH Vina Commodities Hà Nội	1.729.084.967	-	1.729.084.967	-
- Công ty Cổ phần Hùng Vương	1.416.342.816	-	-	-
- Công ty Cổ phần Otran Miền Nam	1.012.678.273	-	33.056.058.045	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Muối Miền Nam	701.699.178	-	-	-
- Các khách hàng khác	3.195.592.327	-	3.711.544.677	-
Cộng	159.151.123.907	-	38.496.687.689	-

4. Trả trước cho người bán***Trả trước cho người bán ngắn hạn***

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Otran Miền Nam (*)	94.179.830.416	-
- Công ty Cổ Phần Otran Việt Nam (**)	7.840.486.060	-
- Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	2.219.271.902	-
- Công ty Cổ phần Otc Việt Nam	1.559.000.000	-
- Vina Commodities Singapore Pte., Ltd	1.028.460.152	-
- Lê Thanh Vân	605.420.860	-
- Các nhà cung cấp khác	3.048.641.421	1.814.203.779
Cộng	110.481.110.811	1.814.203.779

(*) Khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Otran Miền Nam theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số OTMN215255 ngày 28 tháng 06 năm 2015 số tiền 28.000.000.000 tỷ để mua than đá phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và Hợp đồng số OTMN201501 01/DN ngày 01/01/2015 về mua bán hàng nông sản.

(**) Khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Otran Việt Nam theo Hợp đồng số 20150601/HDNT/OTRDN/OTRVN ngày 25/06/2015 về mua bán hàng nông sản.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Ông Trần Đức Tuấn	-	-	32.100.000.000	-
- Ông Nguyễn Đức Tiến (*)	1.250.000.000	-	-	-
Cộng	1.250.000.000	-	32.100.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(¹) Là khoản phải thu về cho vay ngắn hạn ông Trần Đức Tiến, thời hạn vay 12 tháng từ ngày 25/12/2015 với lãi suất 9%/ năm.

Phải thu về cho vay với các bên liên quan

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Ông Trần Đức Tuấn	-	-	32.100.000.000	-
- Ông Nguyễn Đức Tiến	1.250.000.000	-	-	-
Cộng	1.250.000.000	-	32.100.000.000	-

Tình hình biến động của khoản cho vay ngắn hạn như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	32.100.000.000
Cho vay tiền trong năm	1.250.000.000
Tiền vay đã trả trong năm	(32.100.000.000)
Số cuối năm	1.250.000.000

6. Phải thu khác**a. Phải thu khác ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tạm ứng	1.236.917.933	-	624.936.172	-
- Ông Trần Đức Tuấn	601.491.552	-	280.000.000	-
- Các nhân viên khác	635.426.381	-	344.936.172	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	6.000.000	-	6.000.000	-
Phải thu khác	116.378.240.475	-	2.349.402.001	-
- Công ty Cổ phần Otran Việt Nam	48.413.579.267	-	-	-
Chuyển nhượng cổ phần (¹)	48.000.000.000	-	-	-
Thu chi hộ	413.579.267	-	-	-
- Công ty Cổ phần Năng lượng Otran	45.865.612.503	-	-	-
Góp vốn liên doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐ/OTL-OTE ngày 02/10/2015	30.000.000.000	-	-	-
Góp vốn (²)	14.500.000.000	-	-	-
Thu chi hộ	1.365.612.503	-	-	-
- Công ty Cổ phần Otran Miền Nam (³)	10.025.578.494	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Muối Miền Nam (⁴)	10.000.000.000	-	-	-
- Phải thu lãi tiền cho vay ông Trần Đức Tuấn	1.295.785.602	-	2.341.775.342	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	777.684.609	-	7.626.659	-
Cộng	117.621.158.408	-	2.980.338.173	-

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(¹) Là khoản phải thu Công ty Cổ phần Otran Việt Nam về việc chuyển nhượng 1.200.000 cổ phần với giá trị 48.000.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2015/HĐCN ngày 25 tháng 08 năm 2015 hiện vẫn chưa hoàn thành xong thủ tục chuyển nhượng.

(²) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Năng lượng Otran nhưng chưa hoàn thành thủ tục.

(³) Là khoản cho Công ty Cổ phần Otran Miền Nam vay vốn theo Hợp đồng số 01/HĐVV/2015/OTL-OTMN ngày 01/12/2015.

(⁴) Là khoản phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn Muối Miền Nam về việc chuyển nhượng 600.000 cổ phần với giá trị 10.000.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2015/HĐCN ngày 01 tháng 12 năm 2015 hiện vẫn chưa hoàn thành xong thủ tục chuyển nhượng.

b. Phải thu khác ngắn hạn

Là khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng tòa nhà Ree Tower.

Phải thu khác của các bên liên quan

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tạm ứng	601.491.552	-	280.000.000	-
- Ông Trần Đức Tuấn	601.491.552	-	280.000.000	-
Phải thu khác	1.295.785.602	-	2.341.775.342	-
- Phải thu tiền lãi vay ông Trần Đức Tuấn	1.295.785.602	-	2.341.775.342	-
Cộng	1.897.277.154	-	2.621.775.342	-

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	224.560.505	-	118.528.475	-
Công cụ, dụng cụ	13.976.923	-	132.202.200	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	32.252.116.598	-	-	-
Hàng hóa	36.685.641.695	-	7.230.000.000	-
Cộng	69.176.295.721	-	7.480.730.675	-

8. Chi phí trả trước

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	408.993.517	176.321.285
Cộng	408.993.517	176.321.285

b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	787.613.446	-
Cộng	787.613.446	-

9. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	65.432	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.284.578.586	-
Cộng	1.284.644.018	-

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Máy móc và thiết bị (*)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (**)	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	157.011.845.472	12.260.971.518	2.525.267.799	553.101.962	1.234.992.644	173.586.179.395
Tăng trong năm	45.319.586.387	4.532.705.455	6.693.636.365	584.340.547	-	57.130.268.754
-Mua sắm mới	1.965.836.232	755.045.455	6.613.636.365	-	-	9.334.518.052
-XDCB hoàn thành	23.688.644.896	-	-	-	-	23.688.644.896
-Tăng tài sản do mua cổ phần của Công ty Cổ phần Otran						
Đồng Nai	19.665.105.259	3.777.660.000	80.000.000	584.340.547	-	24.107.105.806
Giảm trong năm	(26.607.300)	-	-	(60.873.101)	(21.633.296)	(109.113.697)
-Giảm theo TT45/2013/TT-BTC	(26.607.300)	-	-	(60.873.101)	(21.633.296)	(109.113.697)
Số cuối năm	202.304.824.559	16.793.676.973	9.218.904.164	1.076.569.408	1.213.359.348	230.607.334.452
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	8.243.298.011	1.098.540.017	345.232.047	208.584.133	191.934.825	10.087.589.033
Tăng trong năm	8.681.796.535	1.697.885.900	909.104.957	334.137.215	153.547.860	11.776.472.467
-Khấu hao trong năm	8.010.257.558	1.455.342.948	898.704.957	236.519.275	153.547.860	10.754.372.598
-Tăng tài sản do mua cổ phần của Công ty Cổ phần Otran						
Đồng Nai	671.538.977	242.542.952	10.400.000	97.617.940	-	1.022.099.869
Giảm trong năm	(11.086.375)	-	-	(45.654.813)	(8.112.474)	(64.853.662)
-Giảm theo TT45/2013/TT-BTC	(11.086.375)	-	-	(45.654.813)	(8.112.474)	(64.853.662)
Số cuối năm	20.491.497.330	3.881.185.006	1.302.078.928	724.763.883	-	26.736.895.358
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	148.768.547.461	11.162.431.501	2.180.035.752	344.517.829	1.043.057.819	163.498.590.362
Số cuối năm	181.813.327.229	12.912.491.967	7.916.825.236	351.805.525	1.213.359.348	203.870.439.094

(*) Một số nhà cửa vật kiến trúc, máy móc và thiết bị được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam – Chi nhánh 4, xem tại thuyết minh V.18a.

(**) Một số phương tiện vận tải được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Mỹ, xem tại thuyết minh V.18b.

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	48.268.888	21.530.204	26.738.684
Tăng trong năm	2.000.000.000	272.756.265	-
Tăng tài sản do mua cổ phần của Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai (*)	2.000.000.000	242.666.642	
Khấu hao trong năm	-	30.089.623	
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	2.048.268.888	294.286.469	1.753.982.419

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ-1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(¹) Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 765895, thửa số 1945 tại xã Tam Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với diện tích 19.875 m².

12. Đầu tư vào công ty khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Năng lượng Otran (¹)	19.000.000.000	-	19.000.000.000	-	-	-
Cộng	19.000.000.000	-	19.000.000.000	-	-	-

(¹) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Otran theo hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 02/2015/HĐ-CN ngày 11 tháng 08 năm 2015 với Công ty Cổ phần Otran Miền Nam. Số lượng cổ phiếu đầu tư là 1.900.000 cổ phiếu.

13. Phải trả người bán**Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Quang Minh	19.085.600.839	19.085.600.839	-	-
- Công ty Cổ phần Vinagrains	16.882.798.510	16.882.798.510	-	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Muối Miền Nam	15.648.652.434	15.648.652.434	-	-
- Wel Hunt Materials Enterprise Co., Ltd	7.684.348.238	7.684.348.238	-	-
- Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Cao Sơn	6.730.255.602	6.730.255.602	-	-
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA	4.551.251.788	4.551.251.788	2.895.714.669	2.895.714.669
- Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải	1.810.380.141	1.810.380.141	5.880.146.921	5.880.146.921
- Công ty TNHH Thương mại và Kho vận Phú Thái	1.635.864.900	1.635.864.900	-	-
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Sài Gòn Việt Nam	1.570.829.202	1.570.829.202	8.539.489.527	8.539.489.527
- Tzoong - Yi Industry Co.,Ltd	1.272.055.133	1.272.055.133	-	-
- Các nhà cung cấp khác	10.257.583.926	10.257.583.926	8.548.517.496	8.548.517.496
Cộng	87.129.620.713	87.129.620.713	25.863.868.613	25.863.868.613

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Người mua trả tiền trước***Người mua trả tiền trước ngắn hạn***

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Năng lượng Otran ⁽¹⁾	93.592.535.221	-
Công ty TNHH Phát triển Thương mại Gia Bình	9.990.000.000	-
Công ty Cổ phần Otran Việt Nam	2.772.274.637	-
Samto General Trading	538.259.360	-
Công ty TNHH Thương mại và Kho vận Phú Thái	533.800.000	-
Hearty Group For Trade and Industry	510.974.220	-
Các khách hàng khác	371.299.151	235.706.789
Cộng	108.309.142.589	235.706.789

⁽¹⁾ Hợp đồng số OTDN215072A ngày 30/09/2015 về mua bán hàng than đá.

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Thuế giá trị gia tăng	449.963.580	449.963.580	942.043.700	942.043.700
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.404.601.411	15.404.601.411	4.843.811.059	4.843.811.059
Thuế thu nhập cá nhân	47.122.510	47.122.510	-	-
Cộng	15.901.687.501	15.901.687.501	5.785.854.759	5.785.854.759

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng: 5%, 10%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. Chi phí phải trả***Chi phí phải trả ngắn hạn***

Là chi phí lãi vay phải trả Ngân hàng Malayan Banking Berhad tại Thành Phố Hồ Chí Minh.

17. Phải trả khác***Phải trả ngắn hạn khác***

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Bảo hiểm xã hội	12.399.267	12.399.267	-	-
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	667.640.904	667.640.904	238.805.045	238.805.045
Lãi chậm nộp thuế TNDN, GTGT	244.657.129	244.657.129	-	-
Các đối tượng khác	422.983.775	422.983.775	238.805.045	238.805.045
Cộng	680.040.171	680.040.171	238.805.045	238.805.045

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Vay và nợ thuê tài chính**a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4	29.967.338.211	29.967.338.211	-	-
Cộng	29.967.338.211	29.967.338.211	-	-

Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 theo Hợp đồng vay số 01/2015-HĐTDHM/NHCT908-OTRANLOGISTICS ký ngày 02 tháng 02 năm 2015. Hạn mức vay là 30.000.000.000 đồng. Thời hạn vay từ ngày 02/01/2015 đến ngày 20/01/2016. Mục đích vay: Để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh dịch vụ logistics (dịch vụ cảng, bến cảng, vận tải, kho bãi và lưu giữ hàng hóa). Lãi suất cho vay là lãi suất được ghi trên từng Giấy nhận nợ.

Được đảm bảo bằng:

- Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng chuyển nhượng tài sản, chi phí đầu tư số 06/HĐKT/VRC/2013 số 14.048.001/HĐTC-OTRAN LOGISTICS ngày 27/11/2014;
- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 14.048.002/HĐTC-OTRAN LOGISTIC ngày 27/11/2014;
- Hợp đồng thế chấp động sản số 14.048.003/HĐTC-OTRAN LOGISTICS ngày 27/11/2014;
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 14.048.004/HĐTC-OTRAN LOGISTICS ngày 27/11/2014;
- Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 15.048.005/HĐTC-OTRAN LOGISTICS ngày 02/02/2015.

Tình hình biến động các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	-
Tiền vay đã nhận trong năm	162.015.792.105
Tiền vay đã trả trong năm	(132.048.453.894)
Số cuối năm	29.967.338.211

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ (*)	3.817.520.000	3.817.520.000	-	-
Ngân hàng Malayan Banking Berhad tại Thành Phố Hồ Chí Minh (**)	42.000.000.000	42.000.000.000	-	-
Cộng	45.817.520.000	45.817.520.000	-	-

(*) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ theo Hợp đồng vay số 01/2015/6891002/HĐTD ký ngày 12/02/2015. Hạn mức 5.090.000.000 đồng. Mục đích vay để mua xe tải tự đổ. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực. Lãi suất vay 10%/năm (được áp dụng tới ngày 12/08/2015) sau đó được điều chỉnh 6 tháng /lần theo thông báo lãi suất của BIDV tại thời điểm điều chỉnh. Khoản vay được đảm bảo bằng thế chấp xe tải tự đổ theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 004813, 004812, 004814, 004815, 004816 do CA tỉnh BRVT cấp ngày 11/02/2015, biển số số 72C-05544, 72C-05694, 72C-05443, 72C-05510, 72C-05613,.

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Khoản vay tín chấp ngân hàng Malayan Banking Berhad tại Thành Phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng số MBB/HCMC/LO/2014/VDNC/01. Hạn mức tín dụng 2.100.000 USD. Lãi suất 0,1%/năm. Mục đích vay. Để mua, nhập khẩu nguyên vật liệu.

Tình hình biến động các khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	-
Tiền vay phát sinh trong năm	5.090.000.000
Tăng do nhận bàn giao Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai	42.000.000.000
Tiền vay đã trả trong năm	(1.272.480.000)
Số cuối năm	45.817.520.000

19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Là thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến chênh lệch tạm thời phát sinh trong kỳ từ việc phân bổ lợi thế thương mại.

	Năm nay
Số đầu năm	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	887.705.471
Khoản hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu	-
Số cuối năm	887.705.471

20. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	15.206.069.113	215.206.069.113
Tăng vốn trong năm nay	300.000.000.000	-	300.000.000.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	46.655.314.927	46.655.314.927
Số dư cuối năm nay	500.000.000.000	61.861.384.040	561.861.384.040

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	-
- Vốn góp tăng trong năm	300.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	500.000.000.000	200.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	50.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	20.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay
Tổng doanh thu	702.454.896.312
Doanh thu bán hàng hóa	528.524.016.743
Doanh thu dịch vụ khai thác cảng, kho	114.225.575.323
Doanh thu dịch vụ kho bãi (lưu kho, thuê kho và dịch vụ khác)	35.483.871.822
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	19.005.999.651
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	5.215.432.773
Các khoản giảm trừ doanh thu	-
Doanh thu thuần	702.454.896.312

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay
Giá vốn cung cấp hàng hóa	462.711.614.678
Giá vốn cung cấp dịch vụ khai thác cảng, kho	90.368.301.511
Giá vốn cung cấp dịch vụ kho bãi (lưu kho, thuê kho và dịch vụ khác)	29.337.269.780
Giá vốn cung cấp dịch vụ vận chuyển	11.894.347.273
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	3.371.158.246
Cộng	597.682.691.488

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay
Lãi tiền cho vay	2.769.662.466
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	25.937.284
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	560.728.311
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	19.439.909
Cộng	3.375.767.970

Doanh thu hoạt động tài chính với các bên liên quan

	Năm nay
Ông Trần Đức Tuấn	2.769.662.466
Cộng	2.769.662.466

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>
Chi phí lãi vay	4.523.584.865
Lãi chậm thanh toán	2.025.375.289
Chênh lệch tỷ đã chưa thực hiện	1.872.778.249
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	260.625.458
Chi phí khác	1.128.576
Cộng	<u>8.683.492.437</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>
Chi phí cho nhân viên	2.065.628.964
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.110.670.539
Chi phí khấu hao tài sản cố định	406.828.056
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.098.471.993
Chi phí bán hàng bằng tiền khác	4.168.627.462
Cộng	<u>14.850.227.014</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>
Chi phí nhân viên quản lý	4.978.969.081
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.607.592.521
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.096.892.610
Chi phí thuế, phí, lệ phí	507.624.567
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.478.826.869
Phân bổ lợi thế thương mại	4.035.024.867
Chi phí bằng tiền khác	4.777.557.263
Cộng	<u>21.482.487.778</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>
Thu nhập được thưởng, bồi thường tàu	3.457.661.769
Thu tiền bán hàng phế liệu	1.169.396.789
Thu nhập khác	331.575.473
Cộng	<u>4.958.634.031</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>
Chi phí phạt, bồi thường tàu	3.354.243.305
Lãi chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014	844.657.129
Chi phí khác	298.375.389
Cộng	<u>4.497.275.823</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Là thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh của:

	<u>Năm nay</u>
Công ty Cổ phần Otran Logistics	8.001.363.107
Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai	6.232.121.464
Công ty Cổ phần Otran Logistics Miền Bắc	855.713.310
Cộng	<u>15.089.197.881</u>

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành hoãn lại

Là thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế (từ việc phân bổ lợi thế thương mại trong năm).

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	887.705.471
Khoản hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu	-
Số cuối năm	<u>887.705.471</u>

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	46.655.314.927
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	46.655.314.927
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	39.253.585
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.189</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm**

	Năm nay	
	Vốn thực góp	Cổ phiếu lưu hành bình quân
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	200.000.000.000	20.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ ngày 01/07/2015	28.000.000.000	1.415.556
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ ngày 14/07/2015	86.600.000.000	4.690.833
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ ngày 22/07/2015	43.000.000.000	2.424.722
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ ngày 28/07/2015	1.160.000.000	67.344
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ ngày 29/07/2015	8.400.000.000	490.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ ngày 30/07/2015	23.000.000.000	1.348.056
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ ngày 29/09/2015	16.000.000.000	1.208.889
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ ngày 30/09/2015	32.000.000.000	2.426.667
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ ngày 19/10/2015	11.885.000.000	964.006
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ ngày 21/10/2015	23.500.000.000	1.919.167
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ ngày 22/10/2015	6.500.000.000	532.639
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ ngày 26/10/2015	9.955.000.000	826.818
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ ngày 04/12/2015	10.000.000.000	938.889
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	500.000.000.000	39.253.585

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, các giao dịch không bằng tiền phát sinh như sau:

	Năm nay
Tăng tài sản tại Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai trước ngày mua cổ phần	26.107.105.806
Tăng khoản vay dài hạn tại Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai trước ngày mua cổ phần	42.000.000.000
Lãi vay chưa trả	232.000.000
Lãi tiền cho vay chưa thu	1.295.785.602

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 07 tháng 11 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan trong năm như sau:

	Đơn vị tính: VND
	Năm nay
Thu nhập	1.390.801.380

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh giữa Công ty và các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Đơn vị tính: VND
	Năm nay
Lãi cho vay phải thu	2.769.662.466
Nhận góp vốn	111.000.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	601.491.552	280.000.000
Phải thu tiền cho vay	1.250.000.000	32.100.000.000
Phải thu lãi tiền cho vay	1.295.785.602	2.341.775.342
Cộng nợ phải thu	3.147.277.154	34.721.775.342

4. Thông tin hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Đơn vị tính: VND

	Giá trị kế toán		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.482.742.856	898.568.887	38.482.742.856	898.568.887
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	21.637.000.000	-	21.637.000.000	-
Phải thu khách hàng	159.151.123.907	38.496.687.689	159.151.123.907	38.496.687.689
Phải thu về cho vay	1.250.000.000	32.100.000.000	1.250.000.000	32.100.000.000
Các khoản phải thu khác	117.812.950.463	2.980.338.173	117.812.950.463	2.980.338.173
Cộng	338.333.817.226	74.475.594.749	338.333.817.226	74.475.594.749
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	87.129.620.713	25.863.868.613	87.129.620.713	25.863.868.613
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15.901.687.501	5.785.854.759	15.901.687.501	5.785.854.759
Phải trả người lao động	1.061.450.238	201.960.000	1.061.450.238	201.960.000
Chi phí phải trả	232.000.000	-	232.000.000	-
Phải trả khác	680.040.171	238.805.045	680.040.171	238.805.045
Vay và nợ thuê tài chính	75.784.858.211	-	75.784.858.211	-
Cộng	180.789.656.834	32.090.488.417	180.789.656.834	32.090.488.417

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

Đơn vị tính: VND

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.482.742.856	-	38.482.742.856
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	21.637.000.000	-	21.637.000.000
Phải thu khách hàng	159.151.123.907	-	159.151.123.907
Phải thu về cho vay	1.250.000.000	-	1.250.000.000
Các khoản phải thu khác	117.812.950.463	-	117.812.950.463
Cộng	338.333.817.226	-	338.333.817.226
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	898.568.887	-	898.568.887
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-
Phải thu khách hàng	38.496.687.689	-	38.496.687.689
Phải thu về cho vay	32.100.000.000	-	32.100.000.000
Các khoản phải thu khác	2.980.338.173	-	2.980.338.173
Cộng	74.475.594.749	-	74.475.594.749

7. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm			
Phải trả cho người bán	87.129.620.713	-	87.129.620.713
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15.901.687.501	-	15.901.687.501
Phải trả người lao động	1.061.450.238	-	1.061.450.238
Chi phí phải trả	232.000.000	-	232.000.000
Phải trả khác	680.040.171	-	680.040.171
Vay và nợ thuê tài chính	29.967.338.211	45.817.520.000	75.784.858.211
Cộng	134.972.136.834	45.817.520.000	180.789.656.834
Số đầu năm			
Phải trả cho người bán	25.863.868.613	-	25.863.868.613
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.785.854.759	-	5.785.854.759
Phải trả người lao động	201.960.000	-	201.960.000
Chi phí phải trả	-	-	-
Phải trả khác	238.805.045	-	238.805.045
Vay và nợ thuê tài chính	-	-	-
Cộng	32.090.488.417	-	32.090.488.417

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty có phát sinh giao dịch mua dịch vụ bằng USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với tỷ giá hối đoái vì rủi ro do thay đổi tỷ giá hối đoái tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

9. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính hợp nhất nội bộ của Công ty.

Kết quả kinh doanh bao gồm các khoản có liên quan trực tiếp đến bộ phận và các khoản có thể phân bổ được trên một cơ sở hợp lý. Các khoản không phân bổ được bao gồm các tài khoản tạo thu nhập và doanh thu, các khoản vay chịu lãi, và chi phí chung của Công ty.

Thông tin về lĩnh vực kinh doanh trong năm của Công ty như sau:

	Doanh thu bán hàng hóa	Dịch vụ khai thác cảng, kho	Dịch vụ kho bãi (lưu kho, thuê kho và dịch vụ khác	Dịch vụ vận chuyển	Dịch vụ khác	Cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo bộ phận	528.524.016.743	114.225.575.323	35.483.871.822	19.005.999.651	5.215.432.773	702.454.896.312
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(462.711.614.678)	(90.368.301.511)	(29.337.269.780)	(11.894.347.273)	(3.371.158.246)	(597.682.691.488)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ theo bộ phận	65.812.402.065	23.857.273.812	6.146.602.042	7.111.652.378	1.844.274.527	104.772.204.824
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(36.332.714.792)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						68.439.490.032
Doanh thu tài chính						3.375.767.970
Chi phí tài chính						(8.683.492.437)
Thu nhập khác						4.958.634.031
Chi phí khác						(4.497.275.823)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(15.089.197.881)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại						(887.705.471)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						47.616.220.421

Mai Đình Hanh
Người lập biểu

Mai Đình Hanh
Kế toán trưởng

Trần Đức Tuấn
Tổng giám đốc